

Bản án số: 38/2019/ DSST

Ngày 18/09/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay

Tài sản và hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2/ - Ông Văn Thành Nhiều

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt –

Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên
tòa: Ông Nguyễn Trần Đức Tuyên – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện
Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.**

Trong ngày 18 tháng 09 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST- DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/ QĐXXST- DS ngày 22 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T T, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Anh **Nguyễn Trường H**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Chị **Vũ Thị P**, sinh năm 1980 (có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 16, ấp K 8A, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày: Từ tháng 02 năm 2014 đến tháng 3 năm 2016, chị Vũ Thị P vay tiền của tôi nhiều lần, tiền người khác gửi tôi. Tổng cộng anh Nguyễn Trường H, chị Vũ Thị P còn thiếu nợ tôi 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Vào tháng 9 (âm lịch) chị P có tham gia một chân hụi tháng, mỗi tháng đóng 1.000.000đ tiền hụi chết và chân hụi này do tôi làm chủ hụi, tổng cộng có 20 người tham gia, chị P đóng được hai tháng. Đến tháng 10/2014 âm lịch chị P bỏ ra 305.000đ để hốt. Số tiền hốt được là 13.315.000đ, sau đó chị P đóng cho tôi được hai tháng còn thiếu 700.000đ. Tổng số tiền tôi bỏ ra đóng hụi chết cho chị P là 15 tháng tương số tiền là 15.000.000đ. Ngày 6/6/2015 chị P đóng cho tôi 2.000.000đ nữa. Vậy đây hụi này chị P còn nợ tôi 13.700.000đ.

Tháng 01 năm 2018 tôi cùng chị P hùn tham gia 01 chân hụi mỗi tháng đóng 2.000.000đ hụi chết tại Bình Dương. Có 12 người tham gia hụi do chị K làm chủ hụi. Tháng 2/2018 chị P bỏ 350.000đ để hốt. Tổng số tiền hụi hốt là 17.500.000đ (Chia đôi thì chị P nhận được là 8.750.000đ), đến tháng 3/2018 chị P không đưa tiền cho tôi đóng hụi chết mà tôi phải bỏ tiền ra đóng hụi chết 10 tháng là 10.000.000đ.

Ngày 23/3/2016 tôi có cho chị P vay 5.000.000đ, lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/ngày.

Ngày 10/10/2017 tôi có cho chị P vay 50.000.000đ, lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/ngày.

Ngày 30/10/2017 tôi có cho chị P vay 20.000.000đ, lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/ngày. Tổng cộng số tiền chị P vay của tôi là 75.000.000đ.

Ngày 25/12/2017 (âm lịch) tôi có cho chị P vay 5.000.000đ, lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/ngày và hẹn đầu xuân năm 2018 trả gốc và lãi nhưng đến nay chị P cũng không trả gốc và lãi cho tôi.

Ngày 15/12/2017 tôi có cho chị P vay 5.000.000đ, hình thức trả góp ngày 100.000đ góp trong vòng 59 ngày. Đến ngày 23/01/2018 chị P góp được 39 ngày thì ngưng đóng. Số tiền còn lại là 20 ngày tương đương nợ tôi 2.000.000đ.

Ngày 20/3/2018 và ngày 28/3/2018 tôi có cho chị P mượn 8.000.000đ (Một lần 3.000.000đ và một lần 5.000.000đ).

Ngày 12/4/2018 chị P có nhờ tôi mượn của anh H 10.000.000đ.

Tôi và chị P là chỗ bạn thân nên không có làm biên nhận, chị P hứa trong thời gian ngắn sẽ trả cho tôi nhưng qua nhiều lần thu hoạch lúa chị P vẫn không trả nợ cho tôi, đến tháng 3 năm 2018 chị P bỏ lên Sài Gòn tôi không liên lạc được với chị P.

Đến tháng 4 năm 2018 tôi có đến nhà anh H là chồng của chị P có đưa cho tôi 1.000.000đ.

Ngày 15/7/2018 chị P về nhà có trả cho tôi được 5.000.000đ.

Như vậy tổng số tiền vợ chồng chị P còn nợ tôi là 124.100.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Ngày 11/9/2018 chị P có viết biên nhận là thừa nhận còn nợ tôi 99.000.000đ, số tiền còn lại để chị P đối chiếu sau, sau đó tôi yêu cầu chị P đối chiếu nhưng chị P không thực hiện mà cứ chửi tôi. Tôi có làm đơn gửi đến ấp Kinh 8A yêu cầu hòa giải nhưng việc hòa giải không thành.

Nay tại phiên tòa, tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, tôi không yêu cầu anh Nguyễn Trường H trả cho tôi nợ gốc tiền vay là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng) và nợ tiền hui là 9.000.000đ (chín triệu đồng). Tôi chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Vũ Thị P trả cho tôi nợ gốc tiền vay là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng) theo biên nhận ngày 11/9/2018, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật và tiền nợ hui là 9.000.000đ (Chín triệu đồng) thì tôi không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Vũ Thị P trình bày: tôi thừa nhận tôi có nợ của chị T số tiền hui là 22.700.000đ và ngày tham gia chơi hui như chị T đã trình bày, nhưng đối với dây hui

mở tháng 9 năm 2014 (âm lịch) trước khi đi Sài Gòn tôi đã trả cho chị T nhiều lần tôi không nhớ rõ ngày, tháng trả, tôi chỉ nhớ là tôi đã trả cho chị T với số tiền 13.700.000đ trong đó 4.000.000đ tôi đưa cho anh D (D) là em của chị T, còn 9.700.000đ tôi đưa trực tiếp cho chị T, các lần trả tôi chỉ ghi vào sổ của tôi chứ không có làm biên nhận với chị T. Hiện tôi thừa nhận nợ tiền hụi của chị T số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Vào ngày 11/9/2018 tôi thừa nhận có vay 99.000.000đ (Chín mươi chín triệu đồng) của chị T nhưng trong đó tôi chỉ có nợ gốc của chị T số tiền là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng), còn 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) là tiền lãi chứ không phải tiền nợ gốc, lúc chốt nợ vào ngày 11/9/2018 thì giữa hai bên mới làm biên nhận, cụ thể vào ngày 23/3/2016 tôi có vay của chị T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), lãi suất là 90.000đ/01 triệu/01 tháng. Ngày 10/10/2017 tôi có vay của chị T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất là 120.000đ/01 triệu/01 tháng. Ngày 30/10/2017 tôi có vay của chị T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất là 120.000đ/01 triệu/01 tháng. Tôi có đóng lãi cho chị T hai lần: lần thứ nhất là 38.300.000đ (Ba mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng), lần thứ hai là 14.546.000đ (Mười bốn triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), tổng cộng tôi có đóng lãi cho chị T số tiền là 52.846.000đ (Năm mươi hai triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Việc tôi đóng lãi cho chị T số tiền trên thì tôi và chị T không có làm biên nhận nhưng khi đóng lãi thì chị T có viết cho tôi hai tờ giấy tính lãi. Tổng cộng hiện nay tôi còn nợ tiền hụi là 9.000.000đ (Chín triệu đồng), và tiền nợ vay 99.000.000đ (Trong đó tiền nợ gốc là 75.000.000đ, tiền lãi là 24.000.000đ), tổng cộng khoản nợ hụi và nợ vay tôi còn nợ chị T là 108.000.000đ (một trăm lẻ tám triệu đồng).

Nay tôi thừa nhận nợ chị Nguyễn Kim T tiền hụi 9.000.000đ (Chín triệu đồng) và nợ tiền vay 99.000.000đ ((Chín mươi chín triệu đồng), trong đó tiền vay nợ gốc là 75.000.000đ, tiền lãi là 24.000.000đ), tổng cộng tôi còn nợ chị T là 108.000.000đ (Một trăm lẻ tám triệu đồng). Nay tôi xin miễn trả tiền lãi nợ vay là 24.000.000đ

(Hai mươi bốn triệu đồng), lý do vì hiện nay gia đình tôi làm ăn thất bại, kinh tế gia đình gặp khó khăn. Vì vậy tôi xin trả nợ dần số tiền 84.000.000đ (Tám mươi bốn triệu đồng) cho chị T, thời gian trả nợ cụ thể như sau: một năm có ba vụ lúa, tôi xin trả mỗi vụ lúa là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cụ thể như sau:

Lần trả nợ đầu tiên vào ngày 30/10/2019 tôi trả cho chị T số tiền gốc là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), lần trả nợ thứ hai vào ngày 30/03/2020 tôi trả cho chị T số tiền gốc là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), lần trả nợ thứ ba vào ngày 30/7/2020 tôi trả cho chị T số tiền gốc là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và cứ thế tiếp tục tôi trả nợ cho chị T cho đến khi hết nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Trường H trình bày: anh Nguyễn Trường H vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư Ký đã tuân theo đúng pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của đương sự:

- Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Kim T. Buộc chị P trả cho chị T số tiền nợ hui là 9.000.000đ (chín triệu đồng) và trả tiền nợ vay là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng) và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 18/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 244 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Trường H phải cùng chị P trả nợ cho chị T.

- Về án phí: buộc chị Vũ Thị P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Trường H với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Nguyễn Trường H, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trường H là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Nguyễn Kim T với chị Vũ Thị P là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui”.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Kim T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị T không yêu cầu anh Nguyễn Trường H cùng trả nợ với chị Vũ Thị P theo đơn khởi kiện trả cho chị T số tiền gốc nợ vay là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng) và nợ tiền hui là 9.000.000đ (chín triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T là có cơ sở chấp nhận phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đã rút.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Kim T yêu cầu chị Vũ Thị P trả số tiền nợ gốc cho chị T là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì chị T có cho chị P vay tiền nhiều lần, đến ngày 11/09/2018 thì giữa hai bên có ngồi có tính toán nợ với nhau, cụ thể là chị P thừa nhận còn nợ của chị T số tiền là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng) và chị P có làm biên nhận nợ ngày 11/9/2018 với chị T với số tiền nợ là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng), lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 4.000đ/1.000.000đ/ngày, chị T có đến nhà chị P đòi nợ nhiều lần nhưng chị P chỉ hứa trả nợ cho chị T nhưng đến nay chị P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho chị T.

Nay tại phiên tòa chị Nguyễn Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Vũ Thị P trả cho chị T số tiền là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng), yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Lời yêu cầu của chị T phù hợp với Điều 463, khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay chị T cho rằng giữa chị T với chị P thỏa thuận lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/ngày. Tuy nhiên theo bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay thì chị P thừa nhận giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/ngày và có khi là 10.000đ/1.000.000đ/ngày (thỏa thuận miệng) không có ghi vào biên nhận ngày 11/9/2018. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay thì chị P cũng thừa nhận là trong thời gian chị P còn nợ tiền chị T thì chị T có đến nhà chị P đòi nợ nhiều lần, chị P có hứa trả nợ cho chị T nhưng do chị P làm ăn thất bại, hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên chị P chưa trả nợ cho chị T được, vì vậy chị P đã lánh mặt chị T một thời gian. Vì vậy trong vụ án này Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay không kỳ hạn và do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được

xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Như vậy số tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng) trong vụ kiện này tính từ ngày 12/09/2018 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 18/09/2019 là 366 ngày cụ thể như sau: $99.000.000đ \times 0,83\% \times 366 \text{ ngày} = 10.024.740đ$ tính tròn là 10.025.000đ (mười triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 109.025.000đ (một trăm lẻ chín triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Kim T yêu cầu chị Vũ Thị P trả số tiền nợ hui cho chị T là 9.000.000đ (chín triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 1 Điều 13, Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính Phủ quy định thì các thành viên phải có nghĩa vụ góp phần họ cho các thành viên được lĩnh họ và Điều 16 Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính Phủ cũng quy định chủ họ có quyền yêu cầu thành viên không góp họ của mình phải hoàn trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó và theo bản tự khai và biên bản không hòa giải được ngày 22/08/2019, cũng như tại phiên tòa hôm nay thì chị P thừa nhận có tham gia chơi hui như chị T đã trình bày và giữa chị T và chị P đã thống nhất là chị P còn nợ tiền hui của chị T số tiền là 9.000.000đ (chín triệu đồng), đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Vì vậy chị P phải có nghĩa vụ trả nợ tiền hui cho chị T là 9.000.000đ (chín triệu đồng) là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do chị T không yêu cầu tính lãi đối với phần nợ hui, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Tổng cộng hai khoản thì chị Vũ Thị P phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Kim T tổng số tiền là 118.025.000đ (một trăm mười tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[6] Xét yêu cầu của bị đơn chị Vũ Thị P theo bản tự khai và biên bản không hòa giải được ngày 22/08/2019 cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay thì chị P thừa nhận nợ chị Nguyễn Kim T tiền hui 9.000.000đ (Chín triệu đồng) và nợ tiền vay 99.000.000đ ((Chín mươi chín triệu đồng), trong đó tiền vay nợ gốc là 75.000.000đ, tiền lãi là 24.000.000đ), tổng cộng chị P còn nợ chị T là 108.000.000đ (Một trăm lẻ tám triệu đồng). Nay chị P xin miễn trả tiền lãi nợ vay là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), lý do vì hiện nay gia đình chị P làm ăn thất bại, kinh tế gia đình gặp khó khăn. Vì vậy chị P xin trả nợ dần số

tiền 84.000.000đ (Tám mươi bốn triệu đồng) cho chị T, thời gian trả nợ cụ thể như sau: một năm có ba vụ lúa, chị P xin trả mỗi vụ lúa là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cụ thể như sau:

Lần trả nợ đầu tiên vào ngày 30/10/2019 chị P trả cho chị T số tiền gốc là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), lần trả nợ thứ hai vào ngày 30/03/2020 chị P trả cho chị T số tiền gốc là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), lần trả nợ thứ ba vào ngày 30/7/2020 chị P trả cho chị T số tiền gốc là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và cứ thế tiếp tục chị P trả nợ cho chị T cho đến khi hết nợ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì chị P có vay tiền nhiều lần của chị T nhưng đến ngày 11/9/2018 thì giữa hai bên có ngồi có tính toán nợ với nhau thì chị P thừa nhận có vay chị T số tiền là 99.000.000đ (Chín mươi chín triệu đồng) và giữa hai bên mới làm biên nhận ngày 11/9/2018. Mặt khác chị P xin miễn trả tiền lãi của phần nợ vay số tiền là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) cho chị T, lý do vì hiện nay gia đình chị P làm ăn thất bại, kinh tế gia đình gặp khó khăn nhưng chị P không có chứng cứ gì để chứng minh số tiền 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) này là tiền lãi của số tiền nợ vay 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng). Vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Chính vì vậy bác lời khai nại của chị Vũ Thị P.

Đối với yêu cầu của chị Vũ Thị P xin trả dần thì tại phiên tòa hôm nay thì chị T không đồng ý. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

[7] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị Nguyễn Kim T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị T số tiền là 3.232.000đ (ba triệu hai trăm ba mươi hai

ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005349 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị Vũ Thị P phải nộp: $118.025.000đ \times 5\% = 5.901.250đ$ tính tròn là 5.901.000đ (năm triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469, Điều 471 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 147, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 16 Nghị định 144/2006/NĐ –CP của Chính Phủ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Kim T.

3/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đã rút.

4/ Bác lời khai nại của bị đơn chị Vũ Thị P.

5/ Buộc chị Vũ Thị P trả cho chị Nguyễn Kim T số tiền gốc và lãi là 118.025.000đ (một trăm mười tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Kim T có đơn yêu cầu Thi hành án nếu chị Vũ Thị P không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6/ Về án phí DSST:

- Buộc chị Vũ Thị P nộp 5.901.000đ (năm triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Kim T số tiền là 3.232.000đ (ba triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005349 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Kim T và chị Vũ Thị P biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Nguyễn Trường H biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật